

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Năm Báo cáo: Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt Việt Nam.

Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam Railway Construction Corporation Joint - Stock Company.

Viết tắt tiếng Anh: VRCC., JSC.

Mã chứng khoán: RCC

Vốn điều lệ: 320.647.490.000 đồng

Địa chỉ: Tòa nhà số 33, đường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.35145.715 Fax: 024.35145.671

[E-mail]: contact@vrccgroup.vn;

Website: vrccgroup.vn

Logo:



Quyết định thành lập DNNN: Số 22565/QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 05/11/1973;

Quyết định chuyển đổi sang CTCP: Số 3745/QĐ-BGTVT của Bộ GTVT ngày 07/02/2004 Giấy CNĐKKD của CTCP: Số 0103008002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho đăng ký lần đầu ngày 25/05/2005, thay đổi đăng ký lần thứ hai mươi lăm (25) ngày 19/09/2025.

Mã số thuế: 3300101075

Người đại diện theo pháp luật: Tổng công ty có 02 người đại diện

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc

Quá trình hình thành và phát triển: Tiền thân với tên gọi là đội cầu, đường, kiến trúc, thông tin tín hiệu được thành lập theo quyết định số 2565/QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ngày 05/11/1973 về việc thành lập Xí nghiệp liên hợp công trình đường sắt có trụ sở tại Phường Ngọc Khánh - Quận Ba Đình - Thành phố Hà Nội, Đơn vị chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/1974 với 11 công ty thành viên gồm: Cầu, Đường, Kiến trúc, Thông tin- tín hiệu, với gần 10.000 cán bộ CNVC, hoạt động trên 5 tuyến đường sắt với nhiệm vụ: Khôi phục và đảm bảo giao thông đường sắt, góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền bắc và phục vụ công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Tháng 10 năm 1975 trụ sở công ty chuyển vào đóng tại số 131 Đường Thạch Hãn, Phường Thuận Hoà, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện nhiệm vụ khôi phục đường sắt thống nhất Bắc Nam.

- Ngày 20/3/2003 Bộ giao thông vận tải đã ra quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT về việc đổi tên XNLHCT Đường sắt thành Công ty Công trình đường sắt.

- Đến tháng 7 năm 2003 do yêu cầu nhiệm vụ SXKD đơn vị chuyển trụ sở về đóng tại số 09 Đường Láng Hạ - Phường Thành Công - Quận Ba Đình - Hà Nội.

- Ngày 7/2/2004 Bộ Giao thông vận tải đã có quyết định số 3745/QĐ-BGTVT về việc Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

- Ngày 25/5/2005 Công ty Công trình đường sắt chính thức hoạt động theo công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công trình đường sắt.

- Ngày 5/8/2008 Bộ Giao thông vận tải đã có quyết định số 2396/QĐ-BGTVT về xác định lại giá trị phần góp vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty Cổ phần Công trình đường sắt và kèm theo biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động giữa Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty cổ phần Công trình đường sắt ngày 30/9/2008.

- Ngày 01 tháng 4 năm 2011 Công ty cổ phần công trình đường sắt đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (gọi tắt là Tổng công ty).

- Ngày 28 tháng 8 năm 2025 Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt Việt Nam

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;	0810
2	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất, chế biến sản phẩm gỗ;	1629
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rèn, dập, ép, cắt tạo thành sản phẩm	2511
4	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

	Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;	
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng); Loại trừ dịch vụ nổ mìn	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công các công trình thông tin, tín hiệu, điện;	4321
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải; - Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt; (không thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất nhập khẩu, phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)	4659
9	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Xuất nhập khẩu sắt, thép các loại	4662
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; - Mua bán vật liệu xây dựng;	4663
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Mua, bán hàng hóa phế phẩm và phế liệu (trừ phế liệu Nhà nước cấm); - Xuất nhập khẩu sản phẩm bê tông; - Xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm) - Mua bán phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp; (không thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất nhập khẩu, phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm) -Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa	4669
12	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
13	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;	4932

14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
16	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa, hoạt động kho bãi;	5210
18	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ giáo dục đào tạo, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8559
19	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);	9610
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (Không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
21	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng công trình: cầu đường, dân dụng và công nghiệp; - Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình)	7020
22	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ;	7110
23	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm, vật liệu xây dựng; thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;	7120
24	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế các công trình giao thông; - Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Các dịch vụ về kiến trúc xây dựng;	7410
25	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
26	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
27	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm bê tông; - Sản xuất tấm bê tông	2395

	đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép	
28	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi	4299(Chính)
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đầu tư kinh doanh công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;	8299
30	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Xây dựng công trình, đường ống, cấp thoát nước	4322
31	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
32	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Mua bán và đại lý hàng hóa (không thực hiện hoạt động phân phối, đại lý hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối, đại lý theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm)	4610
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Đại lý dịch vụ bán vé tàu lửa	5221
34	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
35	Cho thuê xe có động cơ	7710
36	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp	7730
37	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar) Không kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài	7990
39	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
40	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường	5621

	xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	
41	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

Địa bàn sản xuất kinh doanh: Tổng Công ty là đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh đa ngành nghề, chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình cầu, đường giao thông trong phạm vi cả nước. Hoạt động sản xuất các sản phẩm công nghiệp, xây dựng các công trình dân dụng, giao thông đường bộ và đường sắt đóng vai trò chủ đạo trong kế hoạch phát triển của Tổng công ty và cũng là sản phẩm chủ lực của Tổng công ty từ khi hình thành cho đến nay.

Hiện tại, Tổng công ty đang tập trung thi công các công trình và sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn như sau:

- Gói thầu số 11A: Thi công xây dựng hạng mục công trình hầm số 1, số 2, số 3, Phủ Cũ, Chí Thạnh, Vũng Rô 1, Vũng Rô 4 và Bãi Gió thuộc Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh – Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh;

- Gói thầu XL2: Thi công xây dựng đoạn Km708+350-Km740+884,83 (bao gồm khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công) thuộc dự án thành phần đoạn Vạn Ninh – Cam Lộ thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;

- Gói thầu 11XL: Thi công xây dựng đoạn Km0+200 – Km19+800 (bao gồm khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công) dự án thành phần đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 – 2025;

- Gói thầu XL-HNV2-03A: Cải tạo nâng cấp đoạn Km140+478 – Km293+950, cầu Cẩm Km300+161 (Thuộc tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An) Dự án: Cải tạo, nâng cấp đoạn Hà Nội – Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội – Tp Hồ Chí Minh;

- Gói thầu XL-CD-01: Xây dựng cầu đường sắt Đuống; Dự án: Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (Cầu đường sắt Đuống);

- Gói thầu XL – 02: Thi công xây dựng các công trình cầu, đường sắt, thông tin tín hiệu và công trình còn lại. Dự án: Cải tạo đường sắt khu vực đèo Khe Nét tuyến Đường sắt Hà Nội – Hồ Chí Minh;

- Thực hiện thi công một phần Gói thầu số 8: Thi công xây dựng cầu Phong Châu mới Dự án đầu tư xây dựng Cầu Phong Châu mới Quốc lộ 32C, tỉnh Phú Thọ theo lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

- Thi công hoàn thiện hạng mục kết cầu phần trên, kết cầu phần dưới Cầu Thanh Mai thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến chợ Mới – Bắc Kạn

- Thi công hoàn thiện hạng mục kết cầu phần trên, kết cầu phần dưới Cầu Phiêng Luông 1 và Phiêng Luông 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến chợ Mới – Bắc Kạn

- Gói thầu số 3: Thi công xây dựng Dự án: Sửa chữa đột xuất đường bộ hành, Đường xe máy và xe thô sơ (Phần đường bộ hai bên) Cầu Long Biên để đảm bảo an toàn, Tuyến đường sắt Hà Nội Đồng Đăng.

- Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn bao gồm các loại Tà vệt bê tông TN1, TN1P

tại Công ty CP đá Hoàng Mai tỉnh Nghệ An và tại Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng, để phục vụ cho Dự án của ngành Đường sắt và cung cấp cho các Công ty quản lý thuộc Tổng công ty đường sắt Việt Nam để sửa duy tu bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường sắt Bắc Nam.

- Tổng công ty đang tiến hành khai thác đá tại mỏ đá Hoàng Mai với tổng diện tích trên 192.100 m² để cung cấp Dự án của ngành Đường sắt, đường bộ và xây dựng dân dụng khác. Mặc khác, lợi thế từ khai thác đá tại mỏ đá này giúp Tổng công ty một phần giảm thiểu được chi phí đầu vào phục vụ SXKD và tăng tính chủ động trong thi công các công trình xây dựng tại khu vực miền Trung.

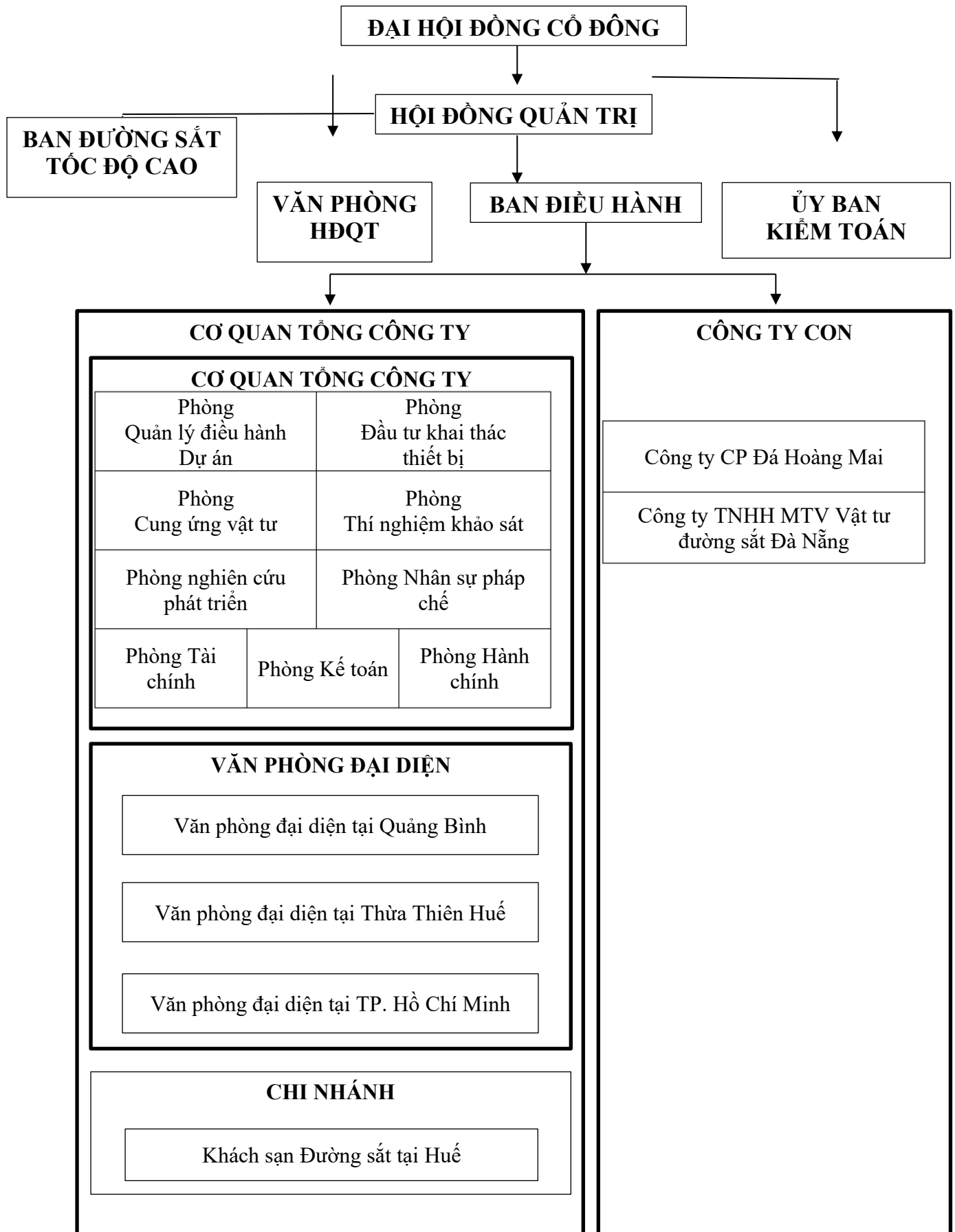
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Tổng công ty hoạt động theo mô hình

- Đại hội cổ đông.
- Hội đồng quản trị có Ủy ban kiểm toán trực thuộc.
- Ban Tổng giám đốc.
- Các phòng ban, công ty con.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM



- Tổng công ty có 01 đơn vị hạch toán trực thuộc: Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt Việt Nam – Khách sạn Đường sắt.

- Tổng công ty sở hữu trực tiếp tại các Công ty con bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu vốn góp	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	54,79%	Tỉnh Nghệ An
2	Công ty TNHH MTV VTĐS Đà Nẵng	100,00%	TP. Đà Nẵng

- Các công ty liên kết

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu vốn góp	Địa chỉ
1	Công ty CP Công trình 791	18,85%	Nghệ An
2	Công ty CP Công trình 792	18,00%	Quảng Bình
3	Công ty CP Công trình 793	12,47%	Quảng Trị
4	Công ty CP XD CT Đường Sắt 796	10,00%	TP. Hồ Chí Minh
5	Công ty CP ĐTXD công trình 798	10,28%	Hà Nội
6	Công ty CP CK&XD CT 878	10,78%	Thừa Thiên Huế
7	Công ty CP Công trình 879	17,40%	Thừa Thiên Huế
8	Công ty CP Công trình 875	10,25%	Đà Nẵng
9	Công ty CP VT ĐS Sài Gòn	8,00%	TP. Hồ Chí Minh
10	Công ty CP Neo Floor	15,73%	TP. Hải Phòng

4. Định hướng phát triển

- Định hướng chung: Giữ vững thương hiệu là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông đường sắt, hạ tầng giao thông đường bộ. Đồng thời mở rộng đầu tư các lĩnh vực khác phù hợp với năng lực của Tổng công ty.

- Định hướng trong năm 2026: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không ngừng tiếp cận các Ban quản lý dự án, nhà Đầu tư, ... để tìm hiểu nắm bắt các thông tin liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư các dự án vốn trong nước và quốc tế để tham gia đấu thầu hoặc tham gia các dự án PT, PPP. Ngoài ra, Ban lãnh đạo đang chuẩn bị các bước đón đầu dự án đường sắt tốc độ cao lớn trong tương lai: Đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hà Nội Hải Phòng và sản xuất phụ kiện ngành đường sắt tốc độ cao. Phấn đấu, giá trị ký mới các hợp đồng xây lắp đạt trên 800 tỷ đồng, giá trị sản lượng phấn đấu đạt trên 1.000 tỷ đồng, doanh thu thuần đạt 900 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt gần 20 tỷ đồng

- Đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ với người lao động đảm bảo không nợ tiền lương, BHXH, trả thu nhập bình quân cho người lao động năm 2026 đạt từ 13,5 triệu đồng/người/tháng trở lên, mục tiêu tăng tối thiểu 5% với năm liền kề; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế với Ngân sách Nhà nước;

- Phấn đấu đảm bảo an toàn về mọi mặt, chú trọng bảo đảm an toàn lao động, an toàn công trình, an toàn giao thông, an toàn chạy tàu, an toàn cháy nổ và an ninh trật tự xã hội.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Nền kinh tế toàn cầu bước sang năm 2026 được dự đoán là sẽ có những thách thức so với năm 2025. Rủi ro suy thoái kinh tế và xung đột quốc tế vẫn còn gia tăng làm sự đứt gãy chuỗi cung ứng nhiều hàng hóa cơ bản, biến động giá nguyên vật liệu và biến động tỷ giá, lãi suất và giá năng lượng ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và lợi nhuận. Tăng trưởng toàn cầu dự kiến chỉ 3,5%, mức lạm phát 4,0% trong năm 2025 (Theo báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu của quỹ tiền tệ quốc tế IMF).

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được dự báo mức 7.6% trong năm 2025, giảm 0,5% so với năm trước. Tuy nhiên thuận lợi, khó khăn và thách thức vẫn đan xen do bối cảnh kinh tế toàn cầu dự báo nhiều biến động, căng thẳng địa chính trị, nhu cầu tiêu dùng yếu.

5.2. Rủi ro đặc thù xây dựng giao thông

Kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng cơ bản của Tổng công ty đều chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách kinh tế của Nhà nước trong việc phát triển ngành xây dựng cơ bản, khả năng phân bổ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cho các dự án công trình xây dựng và sự liên quan đến các Ban ngành khác khi thi công công trình hạ tầng.

Xây dựng công trình giao thông là một ngành mang tính đặc thù, đòi hỏi sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng. Do đó, lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách, chế độ đối với người lao động đều cũng được xem là những rủi ro đáng quan tâm của Tổng công ty. Những điều kiện khắt khe về kỹ thuật, quy trình thi công đến nghiệm thu công trình luôn được Tổng công ty áp dụng nhằm đảm bảo về chất lượng, mỹ quan. Điều này có thể xem là một rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều các doanh nghiệp xây dựng trong cũng như ngoài nước sẽ dẫn đến sự cạnh tranh rất gay gắt. Tổng công ty sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng được thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Tổng công ty trong và ngoài ngành đường sắt.

5.3. Rủi ro về Luật pháp

Các văn bản hướng dẫn luật chưa thật sự đầy đủ, thiếu tính cập nhật dẫn đến việc áp dụng luật vào thực tế còn nhiều bất cập và cũng ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật xây dựng, Luật kinh tế, Luật Đất đai và các luật khác liên quan. Đồng thời, Tổng công ty cũng chịu tác động từ Luật Chứng khoán và các chính sách, chiến lược phát triển của ngành. Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào về pháp luật hoặc chính sách liên quan đều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Tổng công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm vững các quy định của Chính Phủ, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan để xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tự lập:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
Giá trị hợp đồng ký mới (tỷ đồng)	750	475	63,3%
Giá trị sản lượng thực hiện (tỷ đồng)	1.000	533	53,3%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	900	654,7	72,7%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	20	8,2	41,0%
Cổ tức (%)	5%	-	-

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh trong năm 2025 chỉ đi vào ổn định trong giai đoạn cuối năm ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp xây lắp, phần khác do tiến độ giải phóng mặt bằng của địa phương thực hiện chậm, chậm giải ngân vốn đầu tư công nên ảnh hưởng đến công tác triển khai thi công các công trình. Ngoài ra năm 2025 chịu nhiều ảnh hưởng thiên tai mưa lũ thời tiết không thuận lợi gây khó khăn cho tiến độ thi công công trình.

Trong bối cảnh đó, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Tổng công ty không đạt được như kế hoạch đề ra:

Giá trị sản lượng thi công: 533 tỷ đồng, doanh thu thuần: 654,7 tỷ đồng tương đương đạt 53,3% và 72,7% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do một số công trình thi công chậm so với tiến độ do chưa có mặt bằng thi công. Đồng thời việc nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư còn gặp một số vướng mắc trong khâu phân bổ nguồn vốn dẫn đến doanh thu chưa đạt được như kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế: 8,2 tỷ đồng đạt 41,0% so với kế hoạch. Một phần do sản lượng và doanh thu không đạt được như kỳ vọng. Đồng thời giá nguyên vật liệu và lãi suất ngân hàng tăng cao cũng ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của công ty.

Việc ký kết các hợp đồng mới đạt 63,3% kế hoạch đề ra. Năm 2025 chủ yếu triển khai các gói thầu cũ đã được phê duyệt các dự án mới đang trình chủ trương chưa đấu thầu rộng rãi. Ngành xây lắp đang có sự cạnh tranh lớn các nhà thầu sẵn sàng giảm giá mạnh để nhận được dự án mới.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Tổng giám đốc:

- | | |
|------------------------|--|
| (1). Ông Võ Văn Phúc | Chức vụ: Thành viên HĐQT-Tổng giám đốc |
| (2). Bà Vũ Thị Hải Yến | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc thường trực |
| (3). Ông Kiều Nghị | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc |
| (4). Ông Lưu Xuân Thủy | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc |

2.1. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban Tổng giám đốc

- | | |
|---------------|------------------------|
| ❖ Võ Văn Phúc | Chức vụ: Tổng giám đốc |
|---------------|------------------------|

Ngày sinh: 06/01/1966 **Nơi sinh:** Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam **Dân tộc:** Kinh **Tôn giáo:** Không

Số CCCD: 051066011154 **Ngày cấp:** 09/08/2021 **Tại:** Cục trưởng Cục CS QLHC về TTXH

Hộ khẩu thường trú: Số 145 Thạch Hãn - Phường Thuận Hoà – TP. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Chỗ ở hiện nay: Số 145 Thạch Hãn - Phường Thuận Hoà – TP. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt Việt Nam

Chức vụ: Tổng giám đốc Tổng công ty

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): Đảng viên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm - Đại học giao thông vận tải

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

Tháng, năm	Học hoặc làm việc gì	Ở đâu
1986 - 1988	Kỹ thuật viên XNCT 798	Nam Lý - Đồng Hới - Quảng Bình
1989 - 1998	Kỹ thuật viên Phòng Kỹ thuật Cơ quan XNLHCT ĐS	131 Thạch Hãn – Thừa Thiên Huế
1998 - 2000	Phó phòng Phòng Kỹ thuật Cơ quan XNLHCT ĐS	131 Thạch Hãn – Thừa Thiên Huế
2000 - 2001	Phó giám đốc XNCT 878	Hương Thủy - Phú Bài - Thừa Thiên Huế
2001 - 2005	Giám đốc XNCT 878	Hương Thủy - Phú Bài - Thừa Thiên Huế
2005 – 2008	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc XNCT 793	Lê Duẩn - Đông Hà - Quảng Trị
2008 – T3/2010	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc XN 793	Số 09 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội Lê Duẩn - Đông Hà - Quảng Trị
T3/2010 – T11/2016	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	131 Thạch Hãn – Thuận Hoà – TP Huế
T12/2016 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty	Số 33 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác):

STT	Tên công ty	Chức vụ
1	Công ty CP Công trình 875	Chủ tịch HĐQT
2	Công ty CP Công trình 792	Chủ tịch HĐQT
3	Công ty CP Công trình 793	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại Tổng công ty (tính đến thời điểm ngày 30 tháng 03 năm 2026):
102.640 cổ phần, chiếm 0,32 % vốn điều lệ:

+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 102.640 cổ phần, chiếm 0,32 % vốn điều lệ

❖ **Vũ Thị Hải Yến**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc thường trực

Bổ nhiệm ngày: 04/05/2021

Ngày sinh: 19/07/1979

Nơi sinh: Việt Trì – Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Số CCCD: 025179011047
QLHC về TTXH

Ngày cấp: 10/07/2021

Tại: Cục trưởng Cục CS

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 8, Đình Thôn, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà nội

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố số 8, Đình Thôn, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà nội

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt Việt Nam

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc thường trực

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): không

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kinh tế đối ngoại.

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

Tháng, năm	Học hoặc làm việc gì	Ở đâu
T8/1997 – T8/2001	Trường Đại học Ngoại thương	91 Phố Chùa Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
T8/2002 – T5/2016	Phụ trách nhóm quản lý – Phòng Quản lý thiết bị tại Công ty Honda Việt Nam	Phường Phúc Thắng, Thành Phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
T5/2016 – T8/2017	Phó phòng phụ trách mảng quản trị doanh nghiệp tại Công ty Honda VN	Phường Phúc Thắng, Thành Phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
T8/2017 – T9/2018	Trợ lý – Thư ký Tổng giám đốc Phó phòng phụ trách kế hoạch sự nghiệp tại Công ty Honda VN	Phường Phúc Thắng, Thành Phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
T9/2018 – T7/2019	Phó phòng công nghệ thông tin tại Công ty Honda VN	Phường Phúc Thắng, Thành Phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
T7/2019 – 04/5/2021	Trưởng ban kiểm soát tại Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt	Số 33 Láng Hạ - phường Thành Công – Quận Ba Đình – TP Hà Nội
T5/2021 – đến nay	Phó Tổng giám đốc TT tại Công ty CP Tổng công ty	Số 33 Láng Hạ - phường Thành Công – Quận Ba Đình – TP Hà

	Công trình đường sắt	Nội
--	----------------------	-----

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác):

STT	Tên công ty	Chức vụ
1	Công ty CP Công trình 879	Chủ tịch HĐQT
2	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng công trình 798	Chủ tịch HĐQT
3	Công ty CP Đá Hoàng Mai	Chủ tịch HĐQT
4	Công ty CP Công trình 791	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Tổng công ty:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty:

Không

Số cổ phần sở hữu tại Tổng công ty (tính đến thời điểm ngày 30 tháng 03 năm 2026):
94.414 cổ phần, chiếm 0.3% vốn điều lệ:

+ Đại diện sở hữu:	0	cổ phần, chiếm	0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	94.414	cổ phần, chiếm	0,3 % vốn điều lệ

❖ **Kiều Nghị**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 12/03/1969

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Số CCCD: 001069037527

Ngày cấp: 19/02/2022

Tại: Cục trưởng Cục CS

Hộ khẩu thường trú: Tổ 15 – khu vực 5 - Phường An Cựu – TP Huế

Chỗ ở hiện nay: Tổ 15 – khu vực 5 - Phường An Cựu – TP Huế

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt Việt Nam

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty – (Đã miễn nhiệm ngày 22/12/2025)

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): Đảng viên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đường sắt - đại học Giao thông vận tải Hà Nội.

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

Tháng, năm	Học hoặc làm việc gì	Ở đâu
1987 - 1991	Công nhân kích kéo - Xí Nghiệp LHCTĐS	Bảo Quốc – TT Huế
1991 - 1994	Học trung cấp GTVT	Quảng Nam – Đà Nẵng
1994 - 2000	Kỹ thuật viên XN VTXD 879 XNLHCTĐS	Bảo Quốc – TT Huế
2000 – 2002	Phó Phòng kỹ thuật – XN VTXD 879 - XNLHCTĐS	Bảo Quốc – TT Huế
2002 – 2005	Phó giám đốc – XN VTXD 879 - Công ty công trình đường sắt.	Bảo Quốc – TT Huế
2005- 2006	Quyền giám đốc – XN VTXD 879 - Công ty CP công trình đường sắt.	Bảo Quốc – TT Huế
2006-2009	Giám đốc – XN VTXD 879 – Công ty Cổ phần Công trình đường sắt	Bảo Quốc – TT Huế
2009- 2012	Đại học GTVT	Đà Nẵng
2011-2013	Chủ tịch HĐTV - Giám đốc – Công ty TNHH MTV CT 879 - Công ty CP TCT Công trình đường sắt	Bảo Quốc – TT Huế
2013-T6/2014	Phó Tổng giám đốc Công ty CP TCT công trình đường sắt kiêm	Bảo Quốc – TT Huế

	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc – Công ty TNHH MTV CT 879 - Công ty CP TCT Công trình đường sắt	
T6/2014 22/12/2025	– Phó Tổng giám đốc Công ty CP TCT Công trình đường sắt	131 Thạch Hãn – TT Huế

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại Tổng công ty (tính đến thời điểm ngày 30 tháng 03 năm 2026):
333 cổ phần, chiếm 0,001 % vốn điều lệ:

+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 333 cổ phần, chiếm 0,001 % vốn điều lệ

❖ **Lưu Xuân Thủy**

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Bổ nhiệm ngày: 04/05/2021

Ngày sinh: 01/08/1973

Nơi sinh:

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Số CCCD: 036073011571

Ngày cấp: 21/08/2022

Tại: Cục trưởng Cục CS

QLHC về TTXH

Hộ khẩu thường trú: C14.03 cao ốc PNTECHCONS, 48 đường Hoa Sứ, KP5, phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện nay: C14.03 cao ốc PNTECHCONS, 48 đường Hoa Sứ, KP5, phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt Việt Nam

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc thường trực

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): không

Trình độ văn hóa: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

Tháng, năm	Học hoặc làm việc gì	Ở đâu
2007 – 2010	Trưởng phòng Kế hoạch và Thị trường Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PVFC Cần Thơ	Cần Thơ
2010-2012	Giám đốc Công ty Xây dựng Hà Nội (Đơn vị thành viên của Becamex ITC). Chánh Văn phòng HĐQT Becamex ITC - Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp - Becamex ITC	TP Hồ Chí Minh
2012-2016	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Đắk Lắk
2016-2019	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc thường trực - Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	TP Hồ Chí Minh
2020-2022	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Đầu tư Đèo	TP Hồ Chí Minh

	Cả	
2022-2025	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tập đoàn Năng Ban Mai	TP Hồ Chí Minh
T11/2025- đến nay	Phó Tổng giám đốc tại Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt Việt Nam	Số 33 Láng Hạ - phường Thành Công – Quận Ba Đình – TP Hà Nội

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại Tổng công ty (tính đến thời điểm ngày 30 tháng 03 năm 2026):
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

2.2. Chính sách đối với người lao động:

Công tác quản lý lao động

Tổng số CBCNLD toàn Tổng công ty đến ngày 31/ 12/ 2025: 90 người

Thu nhập bình quân của CBCNLD năm 2025: 12.822.000 đồng/người/tháng.

Chính sách đào tạo

Tổng công ty luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu và mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, Tổng công ty đã không ngừng tăng cường và cải thiện chất lượng cũng như số lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

Người lao động trong Tổng công ty đều qua đào tạo đầy đủ, Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Tổng công ty đều gửi đi đào tạo lại để nâng cao tay nghề đồng thời nắm bắt công nghệ kỹ thuật mới. Đối với cấp quản lý được cử tham gia các lớp tập huấn do Bộ Xây dựng, Tổng công ty đường sắt Việt Nam và các Bộ ban ngành Nhà nước,... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho người lao động của Tổng công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi người, cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Theo quy chế, Tổng công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Một năm, nhân viên được hưởng tối thiểu 13 tháng lương;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Tổng công ty;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của Quốc gia và kỷ niệm thành lập Tổng công ty.

Thực hiện chế độ, chính sách (BHXH, BHYT, BHTN) đối với người lao động:

Tất cả Người lao động của Tổng công ty đều được đóng Bảo hiểm và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, người lao động còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp lưu động, phụ cấp trách nhiệm chuyên môn...

Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác

Tại Tổng công ty, các tổ chức như Công đoàn, Đảng uỷ và Đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và có quy chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức đoàn thể và chuyên môn. Tổng công ty quan tâm đến các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể Người lao động.

Hàng năm, tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

Tổng công ty đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng... Qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể Tổng công ty với nhau và với xã hội.

3. Tình hình đầu tư

3.1. Tình hình đầu tư tại các công ty thành viên năm 2025:

STT	Đơn vị	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế
1	Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	56.124.440.000	47.160.377.872	4.089.120.843
2	Công ty TNHH MTV VTĐS Đà Nẵng	16.771.500.000	10.951.146.026	489.721.548

3.2. Tình hình đầu tư tại các công ty liên kết năm 2025:

STT	Đơn vị	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế
1	Công ty CP Công trình 791	30.934.340.000	7.539.620.769	576.257.219
2	Công ty CP Công trình 792	35.000.000.000	20.996.863.363	(6.712.536.009)
3	Công ty CP Công trình 793	36.500.000.000	29.191.151.863	(2.596.475.535)
4	Công ty CP XD CT Đường Sắt 796	25.000.000.000	39.858.977.337	251.092.071
5	Công ty CP CT Cơ Giới 798	38.000.000.000	42.736.799.191	(29.288.200.168)
6	Công ty CP CK&XD CT 878	45.000.000.000	15.123.003.022	(5.808.370.192)
7	Công ty CP Công trình 879	36.500.000.000	19.088.947.955	(1.778.869.736)
8	Công ty CP Công trình 875	45.000.000.000	11.863.836.276	(8.544.114.250)

3.3. Tình hình đầu tư máy móc thiết bị năm 2025:

Trong năm 2025, Tổng công ty đã đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh với giá trị 0 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng (giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	1.046.555.453.749	1.169.404.018.668	11,74%
2	Doanh thu thuần	776.639.692.661	654.661.848.043	-15,71%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	10.802.918.350	7.033.729.423	-34,89%
4	Lợi nhuận khác	(1.340.881.915)	1.134.160.518	184,58%
5	Lợi nhuận trước thuế	9.462.036.435	8.167.889.941	-13,68%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.745.801.930	2.623.592.751	-29,96%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,9	1,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	61%	65%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	154%	185%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,30	3,93
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,69	0,59
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,5%	0,40%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0,9%	0,64%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,3%	0,24%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,2%	1,25%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh công ty năm 2025 có sự cải thiện so với năm 2024. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 là 1,06 công ty vẫn đảm bảo trả các khoản nợ trong ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh là 1,04 cho thấy khả năng thanh

toán nhanh chưa thực sự đảm bảo doanh nghiệp cần chú trọng cân đối các khoản nợ tránh tình trạng các khoản nợ đến hạn dồn loạt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu và Hệ số nợ/Tổng tài sản năm 2025 đều tăng so với năm 2024, công ty đã tăng các khoản nợ phải trả trong năm 2025 chủ yếu đến từ việc trong năm 2025 công ty đẩy mạnh thi công các công trình mới nên chỉ tiêu nợ phải trả người bán (nợ nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ) và người mua trả tiền trước (khoản tạm ứng trước của chủ đầu tư để thi công công trình) có tăng lên đáng kể. Tuy nhiên mức này cũng là mức trung bình so với các doanh nghiệp trong cùng ngành, thể hiện được doanh nghiệp đã sử dụng cân bằng nguồn lực của mình để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng so với năm 2025 từ 3,3 vòng lên 3,93 vòng cho thấy hoạt động luân chuyển hàng tồn kho năm 2025 tiếp tục ở mức cao thể hiện doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả các hạng mục công trình doanh nghiệp hoàn thành đều được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán kịp thời nên giá trị dở dang công trình thấp.

Chỉ tiêu vòng quay tài sản giảm so với năm 2024 lên mức 0,59 vòng, doanh nghiệp vẫn nằm trong mức bình quân của ngành xây lắp.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các hệ số về khả năng sinh lời giảm mạnh so với năm 2024 phản ánh đúng thực trạng chung của ngành xây lắp trong năm 2025 như giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, việc cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành trong công tác đấu thầu công khai các dự án khiến doanh nghiệp phải giảm lợi nhuận dự tính các công trình để giảm giá đấu thầu,... đã kéo tụt lợi nhuận của doanh nghiệp.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 32.064.749 cổ phần (tương đương 320.647.490.000VNĐ)
- Cổ phần đang lưu hành: Là loại cổ phần phổ thông.
- Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm 30/03/2026 cơ cấu cổ đông của Tổng công ty như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ			
1	Cổ đông lớn (5% trở lên)	7	16.100.625	64,82%
2	Cổ đông dưới 5%	398	15.964.124	35,18%
II	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	400	32.046.545	99,95%
a	Tổ chức trong nước	2	3.105.797	

b	Cá nhân trong nước	398	28.942.748	
2	CỔ đông nước ngoài	5	16.204	0,05%
a	Tổ chức nước ngoài	0	-	0
b	Cá nhân nước ngoài	5	16.204	0,05%
Tổng cộng		405	32.064.749	100%

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2025 vốn đầu tư của chủ sở hữu không có gì thay đổi.

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Hiện tại, Tổng công ty không có cổ phiếu quỹ nên không có giao dịch.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Báo cáo tác động lên môi trường:

Trong năm 2025 và các năm trước đó, Tổng công ty Công trình Đường Sắt Việt Nam luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường.

- Tiết kiệm khối lượng vật liệu sử dụng trong thi công, nỗ lực sử dụng một phần vật liệu tái chế. Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp, khai thác tài nguyên và sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn Tổng công ty hàng năm sử dụng lượng lớn các nguyên vật liệu khác nhau. Vì vậy để đảm bảo tác động đến môi trường là thấp nhất, công ty luôn áp dụng các biện pháp thi công tối ưu, sử dụng các loại vật liệu mới tiết kiệm hơn, sử dụng vật liệu tái chế,...
- Tiết kiệm năng lượng cũng là một trong những mục tiêu chủ đạo của doanh nghiệp nhằm tiết giảm chi phí xây dựng.
- Sử dụng nguồn nước hiệu quả và tiết kiệm. Tại các dự án của Tổng công ty, chúng tôi luôn triển khai các giải pháp đảm bảo sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm.
- Giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện các dự án. Tìm kiếm và ký hợp đồng với các đối tác có đủ năng lực để xử lý các chất thải trong quá trình xây dựng, không đổ các chất thải chưa được xử lý ra môi trường bên ngoài.

6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tiếp tục làm tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Tiếp nối truyền thống “Lá lành đùm lá rách” của dân tộc, Tổng công ty luôn hướng tới các hoạt động vì cộng đồng, như nhận nuôi dưỡng và tổ chức thăm hỏi bà mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp các quỹ hỗ trợ đồng bào khó khăn bão lụt, thấp hương tưởng niệm anh hùng liệt sỹ,...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, kết quả hoạt động SXKD không đạt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đề ra. Công tác tìm kiếm việc làm, ký hợp đồng mới gặp nhiều khó khăn do các điều kiện khách quan của thị trường xây dựng (việc sát nhập hành chính dẫn đến nhiều dự án phải tạm dừng hoặc chậm triển khai...) và từ yếu tố chủ quan như việc tổ chức tiếp cận các khách hàng chưa đủ sâu rộng và hiệu quả, các đơn vị thành viên chưa chủ động tìm kiếm việc làm.

Mặc dù trong năm 2025 Đảng, nhà nước cũng có những quyết sách quan trọng tiêu biểu là Nghị quyết 68 nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân. Để đạt được tăng trưởng hai con số trên 10%, chính phủ cũng không ngừng đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông đô thị, khởi công dự án thành phần 1 tuyến Hà Nội - Lào Cai - Hải Phòng song vẫn chưa thể triển khai đồng loạt được nên các doanh nghiệp xây lắp cũng gặp nhiều khó khăn, các công trình gói thầu đường bộ cao tốc của Công ty thi công trong giai đoạn hoàn thiện bàn giao đưa vào sử dụng, vì vậy năm 2025 giá trị sản lượng và doanh thu của Công ty đạt thấp, các chỉ tiêu đề ra không hoàn thành theo kế hoạch.

Những việc Tổng công ty đã đạt được:

- Về đời sống xã hội: Thường xuyên chăm lo điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, duy trì đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động ở hiện trường thi công tại các công trình.

Chi trả lương và các khoản thu nhập khác cho người lao động đầy đủ, đúng chế độ chính sách.

- Công tác Kế hoạch sản xuất – kinh doanh:

Luôn chủ động tiếp cận và tìm kiếm việc làm, tập trung giải quyết những vấn đề cốt lõi theo từng thời điểm kinh tế, từng bước vận dụng và huy động đủ nguồn vốn phục vụ SXKD mang lại hiệu quả, điển hình nhất như là: Sản xuất tà vẹt bê tông các loại, dầm thép và các sản phẩm công nghiệp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong lĩnh vực xây dựng, đồng thời triển khai thi công nhanh những công trình có bố trí đủ vốn, quan tâm đến công tác lập hồ sơ thanh toán để thu vốn kịp thời.

- Công tác kỹ thuật, công nghệ, chất lượng:

+ Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015. Các công trình, sản phẩm đều đảm bảo chất lượng, tiến độ và được chủ đầu tư ghi nhận;

+ Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ mới trong xây lắp và sản xuất sản phẩm công nghiệp như: công nghệ sản xuất tà vẹt bê tông cốt thép dự ứng lực dùng cho ghi đường sắt.

+ Luôn tìm tòi nghiên cứu các biện pháp thi công phù hợp cho từng gói thầu từng công trình hạng mục công trình nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong thi công được tư vấn giám sát và chủ đầu tư chấp thuận.

- Công tác vật tư - thiết bị:

+ Tổng công ty có quy chế quản lý khai thác, sửa chữa và duy tu thiết bị trong nội bộ một cách khoa học, phù hợp với thực tế của Tổng công ty. Điều động, điều chuyển kịp thời thiết bị, phương tiện thi công công trình. Thường xuyên kịp thời theo dõi, kiểm tra, sửa chữa thiết bị nâng cao hiệu quả sử dụng.

+ Chỉ đạo và tổ chức thường xuyên công tác kiểm kê vật tư sắt thép tồn kho ở các kho để có kế hoạch sử dụng hiệu quả tránh tồn đọng vốn.

- Công tác Tài chính kế toán:

Tổng công ty thực hiện hạch toán kế toán đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, và phản ánh chính xác các chỉ tiêu kinh tế, báo cáo kịp thời để Lãnh đạo Tổng công ty có những quyết sách đúng đắn. Giải quyết kịp thời vốn đầu tư cho các dự án, mua vật tư, nguyên vật liệu thi công các công trình. Tổng công ty luôn đảm bảo vay Ngân hàng ở mức hợp lý để giảm chi phí tài chính.

Hoàn thành công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đúng theo quy định.

- Công tác tổ chức hành chính:

Luôn quan tâm đến công tác cơ cấu tổ chức lao động phù hợp trong từng thời kỳ nhằm sử dụng linh hoạt nguồn lao động hiện có của doanh nghiệp, đảm bảo sắp xếp phù hợp lao động cho từng vị trí công việc để đem lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.

Có hệ thống luân chuyển, quản lý và xử lý các hồ sơ tài liệu kịp thời và chuẩn xác đến các bộ phận phù hợp, rút ngắn thời gian xử lý hành chính để đem lại hiệu quả công việc tốt nhất.

2. Tình hình tài chính

a. Tài sản:

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		911,701,737,585	743,854,633,170
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	52,321,746,245	11,626,302,864
111	1. Tiền		51,321,746,245	9,956,133,329
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,000,000,000	1,670,169,535
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		701,831,054,472	524,820,488,614
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	439,233,294,255	329,729,503,172
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		262,518,073,700	197,214,050,617
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	16,124,884,365	14,292,489,427
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16,045,197,848)	(16,415,554,602)
140	IV. Hàng tồn kho	10	132,166,467,373	178,736,264,575
141	1. Hàng tồn kho		138,506,701,392	185,076,498,594
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6,340,234,019)	(6,340,234,019)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25,382,469,495	28,671,577,117
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	899,229,754	1,852,148,224
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22,903,676,412	25,209,329,638
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	1,579,563,329	1,610,099,255
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		257,702,281,083	302,700,820,579
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2,619,712,770	2,381,574,681
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2,619,712,770	2,381,574,681
220	II. Tài sản cố định		58,095,110,938	72,137,748,241
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	54,510,741,928	68,441,462,563
222	- Nguyên giá		277,167,655,624	295,509,906,916
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(222,656,913,696)	(227,068,444,353)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3,584,369,010	3,696,285,678
228	- Nguyên giá		5,022,375,400	5,022,375,400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,438,006,390)	(1,326,089,722)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	2,897,686,162	2,994,275,698
231	- Nguyên giá		5,686,065,091	5,686,065,091
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,788,378,929)	(2,691,789,393)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	-	-
242	. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	189,266,696,565	217,527,641,230
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		226,089,860,000	253,389,860,000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(36,823,163,435)	(35,862,218,770)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4,823,074,648	7,659,580,729
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3,646,018,370	6,831,886,588
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	1,177,056,278	827,694,141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,169,404,018,668	1,046,555,453,749

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 tăng 11,74% so với cùng kỳ năm 2024.

Cụ thể:

- Giá trị tài sản ngắn hạn cuối năm ghi nhận 911.702 triệu đồng tăng hơn 22,56% so với năm trước chủ yếu do:

+ Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 33,73 % so với cùng kỳ một phần do các công trình thi công đã đến giai đoạn cuối hoặc trong giai đoạn bảo hành nên khoản phải thu của các chủ đầu tư sẽ tăng cao, một phần khác do công ty có bán vật tư cho một số thầu phụ thi công công trình chưa thu được tiền.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 350% đầu kỳ do công ty có bán bớt triệu CP Công ty CP Neo Floor. Mặt khác, tại thời điểm 31.12.2025, Công ty thu tiền thanh toán khối lượng công trình từ các chủ đầu tư dự án.

- Giá trị tài sản dài hạn cuối năm ghi nhận 257.702 triệu đồng giảm 14,87% so với cùng kỳ chủ yếu đến từ việc khấu hao tài sản cố định, tăng trích lập dự phòng và giảm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm.

b. Nguồn vốn

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		759,584,755,510	635,331,217,332
310	I. Nợ ngắn hạn		748,924,905,380	627,255,963,897
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	251,440,487,762	195,428,209,696
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	7,136,758,195	34,672,805,891
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	14,069,041,872	13,262,842,111
314	4. Phải trả người lao động		6,019,955,440	5,037,245,169
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	45,055,794,267	31,046,892,559
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	763,636,368
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	9,112,863,117	5,227,143,910
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	415,071,043,285	340,645,759,416
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,018,961,442	1,171,428,777
330	II. Nợ dài hạn		10,659,850,130	8,075,253,435
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	112,716,568	371,018,012
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		5,854,545,423	5,854,545,423
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	147,000,000	158,000,000
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	2,659,515,889	320,000,000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	21	1,886,072,250	1,371,690,000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		409,819,263,158	411,224,236,417
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	409,819,263,158	411,224,236,417
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		320,647,490,000	320,647,490,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320,647,490,000	320,647,490,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4,881,541,949	4,471,159,235
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		669,507,673	1,296,421,018
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47,234,506,964	46,262,639,263
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		45,907,760,951	46,104,863,861
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1,326,746,013	157,775,402
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		36,386,216,572	38,546,526,901
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,169,404,018,668	1,046,555,453,749

Về nợ phải trả:

- Khoản nợ ngắn hạn tăng 19,4% từ 627.256 triệu đồng lên 748.925 triệu đồng chủ yếu do:
 - + Phải trả người bán tăng từ 195.428 triệu đồng lên 251.440 triệu đồng tương đương mức tăng 28,66% lần do trong năm doanh nghiệp đang trong giai đoạn mua bán một số vật tư chưa thu hồi được công nợ.
 - + Người mua trả tiền trước giảm từ 34.627 triệu đồng xuống 7.469 triệu đồng tương đương giảm 79,42% , đây chủ yếu là khoản tiền được chủ đầu tư tạm ứng để thi công công trình theo các hợp đồng đã ký kết đã được bên Chủ đầu tư thu hồi hết.
 - + Vay và nợ thuê tài chính tăng từ 340.645 triệu đồng lên 415.071 triệu đồng chủ yếu là tăng khoản vay ngắn hạn tại ở các khoản vay cá nhân nhằm phục vụ cho các hoạt động đầu tư cải tổ và tiếp cận các dự án mới của công ty.
 - + Khoản nợ dài hạn tăng nhẹ so với năm trước tương đương khoảng 32%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác nhân sự nhìn chung đã đáp ứng được các yêu cầu chung của công ty và công việc. Cơ cấu bộ máy được phân định theo cấp quản trị đã nâng cao vai trò quản lý và trách nhiệm của người đứng đầu các phòng ban/đơn vị.

Công ty áp dụng mô hình quản trị không có Ban kiểm soát thay bằng Ủy ban kiểm toán. Điều đó đáp ứng được mô hình quản trị tiên tiến giúp bộ máy hoạt động tinh gọn và tiết giảm chi phí quản lý cho công ty.

Liên tục đầu tư thiết bị tiến tiến, cải tiến công nghệ, nâng cao trình độ nhân lực để đáp ứng các điều kiện tham gia đấu thầu và thi công các gói thầu có độ khó cao.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Năm 2025, môi trường kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều yếu tố rủi ro đan xen. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu duy trì ở mức trung bình thấp; chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài tại các nền kinh tế lớn nhằm kiểm soát lạm phát đã làm chi phí vốn duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị tiếp tục ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá năng lượng và nguyên vật liệu xây dựng có thời điểm biến động mạnh, gây áp lực lên chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, năm 2025 ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực khi nền kinh tế tiếp tục phục hồi và duy trì ổn định vĩ mô. Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, coi đây là một trong những động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhiều dự án giao thông trọng điểm quốc gia được triển khai, bao gồm các tuyến cao tốc Bắc – Nam, các tuyến vành đai tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, cũng như các dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống đường sắt hiện hữu và chuẩn bị đầu tư các tuyến đường sắt mới.

Đối với ngành xây dựng công trình giao thông, năm 2025 có một số đặc điểm nổi bật:

- Quy mô đầu tư công duy trì ở mức cao, tạo nguồn việc làm đáng kể cho các doanh nghiệp xây lắp;
- Các dự án đường bộ tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, trong khi lĩnh vực đường sắt bắt đầu có tín hiệu khởi động lại chu kỳ đầu tư mới;
- Mức độ cạnh tranh trong đấu thầu gia tăng mạnh, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước;
- Biến động giá vật liệu xây dựng, chi phí tài chính và điều kiện tín dụng tiếp tục là yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp..

Trong bối cảnh đó, hoạt động của Tổng công ty chịu tác động trực tiếp trên nhiều phương diện:

(i) Về cơ hội:

- Nguồn vốn đầu tư công gia tăng giúp mở rộng thị trường xây lắp, đặc biệt trong lĩnh vực đường bộ;
- Các dự án đường sắt được chuẩn bị đầu tư tạo tiền đề cho Tổng công ty phát huy lợi thế truyền thống trong trung và dài hạn;

(ii) Về thách thức:

- Cạnh tranh gay gắt trong đấu thầu làm giảm biên lợi nhuận;
- Áp lực chi phí đầu vào (vật liệu, nhân công, tài chính) ảnh hưởng đến hiệu quả dự án;
- Khả năng tiếp cận vốn tín dụng và dòng tiền tiếp tục là vấn đề cần kiểm soát chặt chẽ;

Trước các yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, Hội đồng quản trị đã chủ động ban hành và triển khai nhiều nghị quyết quan trọng trong năm 2025 nhằm:

- Kiện toàn bộ máy quản trị và điều hành;

- Tái cấu trúc hệ thống các đơn vị thành viên;
- Tăng cường kiểm soát tài chính, dòng tiền và công nợ;
- Định hướng chiến lược phát triển phù hợp với bối cảnh mới của ngành;
- Nâng cao năng lực quản trị theo hướng minh bạch, tiệm cận chuẩn mực của công ty niêm yết.

Các quyết sách của Hội đồng quản trị trong năm 2025 đã góp phần ổn định hoạt động của Tổng công ty, từng bước cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh và tạo nền tảng cho+ giai đoạn phát triển tiếp theo..

Kết quả hoạt động cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	KH	TH	%TH/KH
Giá trị hợp đồng ký mới (tỷ đồng)	750	475	63,3%
Giá trị sản lượng thực hiện (tỷ đồng)	1.000	533	53,3%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	900	654,7	72,7%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	20	8,2	41,0%
Cổ tức (%)	5%	-	-

Chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	654,7
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,2
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,0
	<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	<i>1,6</i>
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	48
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.162,9
5.1	Tài sản ngắn hạn	902,3
5.2	Tài sản dài hạn	260,6
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.162,9
6.1	Nợ phải trả	752,9
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	410,0

Tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Ngoài các chỉ tiêu kinh doanh, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành, thực hiện các nội dung mà nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 đã đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

- Đã thực hiện việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận, chi trả thù lao, phụ cấp của HĐQT theo phương án ĐHĐCĐ thông qua.
- HĐQT đã lựa chọn UHY là đơn vị kiểm toán có trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận của UBCK NN.
- Đã thực hiện đổi tên Tổng công ty thành Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt Việt Nam và được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp theo tên mới ngày 19/9/2025.
- Về việc tăng vốn điều lệ: chưa thực hiện xong nên HĐQT trình ĐHĐCĐ thay đổi phương án, nội dung theo tờ trình phương án mới

Thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn:

- Trong năm 2026, Hội đồng quản trị tiếp tục triển khai các mục tiêu trung và dài hạn theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tập trung vào các trụ cột:
 - Tái cấu trúc mô hình tổ chức: phân loại rõ các đơn vị, từng bước xây dựng mô hình quản trị theo hướng tập trung – kiểm soát hiệu quả
 - Nâng cao năng lực tài chính thông qua phương án tăng vốn, kiểm soát chặt chẽ công nợ và dòng tiền, làm việc với các tổ chức tín dụng để tăng hạn mức tín dụng và cơ cấu lại các khoản vay.
 - Phát triển thị trường và việc làm: tăng cường tìm kiếm hợp đồng xây lắp trong lĩnh vực giao thông đường sắt và đường bộ, mở rộng hợp tác liên danh liên kết trong công tác đấu thầu.
 - Chuẩn hóa hệ thống quản trị, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Năm 2025 là năm có nhiều khó khăn biến động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị ghi nhận những cố gắng nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh, tăng cường hiệu quả thi công công trình, tiết giảm chi phí để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có lợi nhuận.

Tuy nhiên, Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại trong việc điều hành hoạt động SXKD như công tác tìm kiếm việc làm chưa đạt được kế hoạch đề ra, công tác chỉ đạo thi công đôi khi vẫn còn chậm trễ trong việc giải quyết các vướng mắc tại công trình gây ảnh hưởng đến tiến độ. Công tác quản lý tài chính chưa tốt, công tác hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu – thanh toán thu hồi vốn còn chậm dẫn đến việc thiếu vốn cục bộ. Ban điều hành cần có những biện pháp giải quyết quyết liệt hơn trong năm 2025.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ đạo:

- Tổng giá trị sản lượng: 1.000 tỷ đồng
 - Doanh thu: 900 tỷ đồng
 - Giá trị ký hợp đồng trên: 750 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế: 20 tỷ đồng
 - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế với Ngân sách Nhà nước;
 - Thu nhập bình quân của người lao động đạt từ 13,5 triệu đồng/người/ tháng.
- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo không nợ tiền lương, BHXH.
- Phấn đấu đảm bảo an toàn về mọi mặt như chất lượng, tiến độ, an toàn công trình chú trọng bảo đảm an toàn lao động, an toàn cháy nổ và an ninh trật tự xã hội.

Định hướng phát triển trong năm 2026

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị xác định các định hướng trọng tâm:

- a) Định hướng chung
 - Tiếp tục tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty
 - Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh
 - Cải thiện năng lực tài chính
 - Chuẩn bị điều kiện để tham gia các dự án quy mô lớn
- b) Trọng tâm hoạt động
 - Đẩy mạnh công tác đấu thầu và tìm kiếm hợp đồng tập trung vào các dự án đường sắt, đường bộ, hạ tầng giao thông trọng điểm.
 - Triển khai hệ thống quản trị tập trung: tài chính, nhân sự, kế hoạch
- c) Công tác quản trị
 - Hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị đồng bộ
 - Áp dụng cơ chế giao chỉ tiêu toàn hệ thống
 - Tăng cường minh bạch thông tin
- d) Tài chính – đầu tư: cơ cấu lại nguồn vốn, kiểm soát chi phí, tìm kiếm cơ hội đầu tư hiệu quả

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Trong năm, HĐQT tiếp tục vận hành theo mô hình có UBKT trực thuộc và phân công các thành viên phụ trách các hoạt động của Tổng công ty với số lượng 7 thành viên tại thời điểm 31/12/2025, gồm:

1. Ông Vũ Đức Tiến – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Duy Kiên – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Mai Thanh Phương – Thành viên HĐQT
4. Ông Phạm Hồng Thắng – Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT
5. Ông Phạm Ngọc Quốc Cường – Thành viên HĐQT, thành viên UBKT
6. Ông Nguyễn Gia Long – Thành viên HĐQT
7. Ông Vũ Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT

Trong đó: Có 02 thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành

1. Ông Phạm Hồng Thắng – Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT
2. Ông Vũ Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT

b. Cơ cấu sở hữu vốn Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh	Sở hữu cổ phần	Tỷ lệ
1	2	3	4	5
1	Vũ Đức Tiến	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Nguyễn Duy Kiên	Phó Chủ tịch HĐQT	3.240.000	10,10%
3	Mai Thanh Phương	Thành viên	952.430	2,97%
4	Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên	1.504.010	4,69%
5	Phạm Hồng Thắng	Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT	0	0%
6	Nguyễn Gia Long	Thành viên	0	0%
7	Vũ Anh Minh	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/03/2026 do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp.

c. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị và hoạt động của Ban

Thư ký thuộc Hội đồng quản trị gồm có 01 thành viên, Tham gia vào các buổi họp hội đồng quản trị, có nhiệm vụ ghi chép, soạn thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết hội đồng quản trị.

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT và các quyết định của HĐQT đều thực hiện đúng nguyên tắc biểu quyết theo đa số và theo đúng quy định của Điều lệ công ty.

Các nghị quyết được HĐQT thông qua:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
..		..	
1	02/2025/NQ-HĐQT	09/04/2025	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
2	04/QĐ-RCC-HĐQT	15/04/2025	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng với bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
3	05/QĐ-RCC-HĐQT	15/04/2025	Cử người phụ trách kế toán với ông Lê Phú Minh Đức
4	06/QĐ-RCC-HĐQT	15/04/2025	Điều chuyển lao động với ông Nguyễn Hải Duy đến Văn phòng HĐQT
5	07/QĐ-RCC-HĐQT	15/04/2025	Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thanh Huyền giữ chức Trưởng văn phòng HĐQT
6	08/QĐ-CTĐS-HĐQT	22/04/2025	Chấm dứt hợp đồng lao động với ông My Duy Chính
7	09/QĐ-CTĐS-HĐQT	22/04/2025	Chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
8	11/NQ-RCC-HĐQT	14/05/2025	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
9	13/QĐ-CTĐS-HĐQT	15/05/2025	Thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
10	16/NQ-RCC-HĐQT	29/07/2025	Nghị quyết về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (lần 2)
11	18/NQ-RCC-HĐQT	19/08/2025	Nghị quyết về việc bổ sung nội dung phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (lần 2)
12	19/QĐ-CTĐS-HĐQT	21/08/2025	Miễn nhiệm chức danh Người phụ trách Quản trị công ty
13	20/QĐ-CTĐS-HĐQT	21/08/2025	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị công ty
14	23/NQ-RCC-HĐQT	26/08/2025	Nghị quyết về việc bầu CT, PCT HĐQT

15	25/NQ-RCC-HĐQT	29/08/2025	Nghị quyết về việc chọn đơn vị Kiểm toán độc lập cho năm TC 2025
16	29/NQ-VRCC-HĐQT	30/09/2025	Nghị quyết về việc trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi
17	32/NQ-VRCC-HĐQT	17/11/2025	Nghị quyết về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18	36/QĐ-VRCC-HĐQT	20/11/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Lưu Xuân Thủy làm Phó TGD
19	40/NQ-VRCC-HĐQT	08/12/2025	Nghị quyết về việc thông qua nội dung tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
20	45/2025/NQ-VRCC-HĐQT	18/12/2025	Nghị quyết về việc mua CP tại Công ty Đá Hoàng Mai
21	46/NQ-VRCC-HĐQT	22/12/2025	Nghị quyết về việc thay đổi người Phụ trách quản trị Công ty
22	47/NQ-VRCC-HĐQT	22/12/2025	Nghị quyết về việc điều chỉnh khối lượng CP mua tại Công ty Đá Hoàng Mai
23	48/QĐ-VRCC-HĐQT	22/12/2025	Quyết định về việc miễn nhiệm và chấm dứt HĐLĐ đối với ông Kiều Nghị

- Chỉ đạo việc công bố thông tin đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện quản trị Tổng công ty đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định HĐQT.

- Phối hợp với Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên tham gia các cuộc họp HĐQT thường kỳ hoặc đột xuất trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của Tổng công ty hoặc những vấn đề cấp bách cần bàn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tham gia họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Biểu quyết hoặc tham gia ý kiến để giải quyết và xử lý công việc phát sinh hoặc những vấn đề khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty;

- Những vấn đề khác theo sự phân công của HĐQT quy định trong Điều Lệ và Quy chế làm việc của HĐQT.

2. Ủy ban kiểm toán

a. Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

* Thành viên: Ủy ban kiểm toán gồm có 02 thành viên

1. Ông Phạm Hồng Thắng – Chủ tịch

2. Ông Phạm Ngọc Quốc Cường – Thành viên

b. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2025

- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng công ty năm 2025 thông qua. Năm 2025 tiếp tục có nhiều khó khăn với hoạt động của Tổng công ty. Tổng công ty đã tham gia đấu thầu nhiều dự án nhưng chưa đạt kết quả mong muốn. Các chỉ tiêu chính như doanh thu, lợi nhuận Tổng công ty chưa đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Tuy nhiên năm 2025 cũng đánh dấu sự thay đổi của Tổng công ty, như kiện toàn bộ máy HĐQT, hợp tác quốc tế, công tác chuẩn bị đầu tư các dự án lớn.

- Giám sát Báo cáo tài chính năm 2025: Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã lập, công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng. Báo cáo tài chính bán niên 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán UHY (Hiện tại công ty đang phối hợp với kiểm toán độc lập để phát hành báo cáo kiểm toán năm 2025).

- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ:

Các quy định nội bộ của Tổng công ty trong năm 2025 đã đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ phát huy hiệu quả. Một mặt nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, một mặt giám sát và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Các thành viên của UBKT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, báo cáo kịp thời tới HĐQT các hoạt động của UBKT và các kiến nghị liên quan của UBKT.

c. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT: HĐQT đã nghiêm túc và tích cực triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2025. Thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển Tổng công ty, thông qua việc tiếp tục cơ cấu hệ thống tài chính toàn Tổng công ty. Tập trung nguồn lực tìm kiếm các hợp đồng xây lắp mới, đồng thời mở hướng hoạt động mới thông qua đầu tư dự án. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ pháp luật nhà nước, điều lệ của Tổng công ty.

- Kết quả giám sát với Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị Quyết của HĐQT và thực thi tốt chức năng điều hành hoạt động của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các chính sách về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; Thường xuyên kiểm soát tình hình hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên để xử lý, báo cáo và đề xuất ý kiến với HĐQT theo định kỳ. Tình hình tài chính của Tổng công ty còn yếu do tồn đọng từ giai đoạn trước, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc. Công tác tìm kiếm việc làm chưa đạt kế hoạch năm 2025.

d. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông

Năm 2025, UBKT nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ của mình từ HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị Tổng công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao và các khoản lợi ích chi trong năm 2025

Trong năm, thù lao, phụ cấp, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo quy định của Tổng công ty. Cụ thể:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Thù lao, phụ cấp
Vũ Đức Tiến	Chủ tịch	22/8/2025		421.263.000
Tạ Hữu Diễn	Phó Chủ tịch		22/8/2025	491.611.000
Võ Văn Phúc	Thành viên		22/8/2025	693.323.000
Nguyễn Duy Kiên	Phó Chủ tịch	22/8/2025		
Mai Thanh Phương	Thành viên			111.111.000
Phạm Hồng Thắng	Thành viên độc lập			33.333.000
Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên			55.556.000
Nguyễn Gia Long	Thành viên	25/12/2025		-
Vũ Anh Minh	Thành viên độc lập	25/12/2025		239.137.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan và cổ đông lớn

Thời gian giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch	
		Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ sở hữu
Thành viên Hội đồng quản trị					
20/8/2025-16/9/2025	Tạ Hữu Diễn	6.241.075	19,46%	1.279.825	3,99%
Người có liên quan					
22/8/2025-19/9/2025	Vũ Huyền Trang	1.274.257	3,97%	35.198	0,11
Cổ đông lớn					
20/02/2025	Nguyễn Xuân Cường	2.770.430	8,64%	1.778.430	5,55%
20/02/2025	Lê Thị Thanh Thủy	958.300	2,99%	1.948.800	6,08%

22/8/2025	Nguyễn Đức Giang	1.159.480	3,62%	3.504.568	10,93%
09/9/2025	Nguyễn Đức Giang	3.504.568	10,93%	4.050.078	12,63%
18/9/2025	Nguyễn Đức Giang	4.059.438	12,66%	4.175.287	13,02%
22/9/2025	Trương Minh Ngọc	0	0%	3.797.000	11,84%
22/9/2025	Đậu Việt Hoàng	2.066.240	6,44%	0	0%

c. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	10,428,001,030	11,002,198,338
Công ty CP Công trình 791	933,552,301	442,646,275
Công ty CP Công trình 792	1,551,295,333	2,416,665,665
Công ty CP Công trình 793	482,749,677	1,526,553,216
Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	1,453,647,297	2,349,423,667
Công ty CP Công trình Cơ giới 798	2,198,273,710	869,634,916
Công ty CP Công trình 875	514,434,259	1,329,682,192
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	2,611,276,012	1,507,926,414
Công ty CP Công trình 879	322,968,805	146,231,757
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam	-	143,581,509
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	359,803,636	269,852,727
Mua hàng hóa dịch vụ	126,969,848,481	87,463,774,857
Công ty CP Công trình 791	7,510,742,750	3,133,606,703
Công ty CP Công trình 792	20,996,863,363	11,756,551,852
Công ty CP Công trình 793	22,917,786,188	5,003,647,201
Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	22,067,687,239	24,489,034,464
Công ty CP Công trình Cơ giới 798	12,481,496,296	14,426,971,297
Công ty CP Công trình 875	11,079,318,944	12,473,805,054
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	11,243,717,590	8,632,205,507
Công ty CP Công trình 879	18,672,236,111	7,447,952,779
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	100,000,000
Công ty CP Neo Floor	76,332,671,800	-
Công ty CP SX và CN Nhựa Pha Lê	36,424,200,000	-

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty:

Việc Quản trị Tổng công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các Quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Ý kiến Kiểm toán và công bố thông tin

1. Ý kiến kiểm toán

- **Đơn vị kiểm toán:** Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY

- **Địa chỉ:** Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đ. Tố Hữu, P. Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

- **Điện thoại:** (84.24) 5678 3999

- **Website:** uhy-info@uhy.vn

Hiện tại công ty chưa công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

2. Công bố thông tin

Tổng công ty thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Cụ thể:

- Website của Tổng công ty theo địa chỉ: **vrccgroup.vn**;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT, UBKT (báo cáo);
- Website Tổng công ty;
- Lưu TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Văn Phúc